

**PHỤ LỤC THU HỒI PHÙ HIỆU**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày 08 tháng 6 năm 2026 của  
Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên)

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Đơn vị kinh doanh vận tải                            | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|--------------|------------------------------------------------------|---------------|---------|
| 1  | 86H02633       | XT3325083892 | HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI<br>TRƯỜNG HẢI GROUP               | Xe tải        | Nộp PH  |
| 2  | 17H01487       | XT3425000079 | CÔNG TY TNHH DV VẬN TẢI<br>DU LỊCH QUANG THU         | Xe tải        | Mất PH  |
| 3  | 17H01950       | XT3325001712 | CÔNG TY TNHH DV VẬN TẢI<br>DU LỊCH QUANG THU         | Xe tải        | Mất PH  |
| 4  | 17B02052       | HĐ3424000369 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI<br>DỊCH VỤ & DU LỊCH HẢI NAM | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 5  | 17B01759       | HĐ3425000129 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI<br>DỊCH VỤ & DU LỊCH HẢI NAM | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 6  | 89H18334       | HĐ3326006984 | HTX TM và DVVT Hưng Yên                              | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 7  | 89H13826       | HĐ3326002411 | HỢP TÁC XÃ NGUYỄN TRẦN                               | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 8  | 89H09338       | HĐ3326000454 | HỢP TÁC XÃ NGUYỄN TRẦN                               | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 9  | 89H11954       | HĐ3325083244 | HỢP TÁC XÃ NGUYỄN TRẦN                               | Xe hợp đồng   | Mất PH  |

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu   | Đơn vị kinh doanh vận tải                         | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|---------------|---------------------------------------------------|---------------|---------|
| 10 | 89C18939       | 1423/600/2024 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOÀNG DŨNG 98  | Xe tải        | Mất PH  |
| 11 | 17B01843       | HĐ3424000383  | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & DU LỊCH HẢI NAM | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 12 | 17H03307       | HĐ3424000447  | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & DU LỊCH HẢI NAM | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 13 | 17H02219       | HĐ3325083643  | Chi Nhánh Hợp Tác Xã Hòa Bình Xanh Tại Thái Bình  | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 14 | 89F00415       | 48/300/2024   | HỘ KINH DOANH NGUYỄN VĂN TRƯỞNG                   | Xe hợp đồng   | Nộp PH  |
| 15 | 89A14267       | 286/700/2025  | Công ty TNHH vận tải Liệu Th                      | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 16 | 89A12577       | 368/700/2025  | Công ty TNHH vận tải Liệu Th                      | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 17 | 89A17131       | 287/700/2025  | Công ty TNHH vận tải Liệu Th                      | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 18 | 30E91806       | 232/700/2023  | Công ty cổ phần thương mại d                      | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 19 | 88E00292       | 375/700/2024  | Công ty cổ phần thương mại d                      | Xe Taxi       | Nộp PH  |

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Đơn vị kinh doanh vận tải     | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|--------------|-------------------------------|---------------|---------|
| 20 | 30A81324       | 100/700/2023 | Công ty cổ phần thương mại đi | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 21 | 36E00338       | 380/700/2022 | Công ty cổ phần thương mại đi | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 22 | 17E00132       | TX3425000079 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 23 | 17E00134       | TX3425000078 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 24 | 17E00279       | TX3425000102 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 25 | 17E00124       | TX3325000726 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 26 | 17E00276       | TX3425000101 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 27 | 17E00278       | TX3325000836 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 28 | 17E00274       | TX3425000100 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 29 | 17E00272       | TX3425000099 | Công ty TNHH Mai Linh Thái    | Xe Taxi       | Nộp PH  |

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Đơn vị kinh doanh vận tải    | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|--------------|------------------------------|---------------|---------|
| 30 | 17E00114       | TX3325081634 | Công ty TNHH Mai Linh Thái   | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 31 | 17H04018       | TX3425000175 | Chi nhánh HTX hòa bình xanh  | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 32 | 17H02813       | TX3326004972 | Chi nhánh HTX hòa bình xanh  | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 33 | 17A13998       | TX3325000593 | Công ty TNHH Mai Linh Thái   | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 34 | 89G00469       | 223/700/2024 | Công ty TNHH Dương Thảo H    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 35 | 89F00587       | 224/700/2024 | Công ty TNHH Dương Thảo H    | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 36 | 89H15780       | TX3326004005 | Chi nhánh HTX hòa bình xanh  | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 37 | 17A13942       | TX3325000591 | Công ty TNHH Mai Linh Thái   | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 38 | 30G07982       | 262/700/2021 | Công ty TNHH TM và VT Hư     | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 39 | 89A14684       | 285/700/2025 | Công ty TNHH vận tải Liệu Th | Xe Taxi       | Nộp PH  |

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Đơn vị kinh doanh vận tải                                 | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------------|---------|
| 40 | 89G00019       | 480/700/2025 | Công ty TNHH TM và VT Hư                                  | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 41 | 17A13851       | TX3325000589 | Công ty TNHH Mai Linh Thái                                | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 42 | 89H13650       | TX3326003925 | Công ty TNHH Cương Hằng                                   | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 43 | 89H09524       | TX3325080590 | Công ty TNHH Cương Hằng                                   | Xe Taxi       | Nộp PH  |
| 44 | 17C09123       | CO3425000016 | CÔNG TY TNHH DV VẬN TẢI<br>DU LỊCH QUANG THU              | Xe Container  | Nộp PH  |
| 45 | 17F00220       | CĐ3425000261 | CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ BÌNH                                  | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |
| 46 | 47F00500       | CĐ3425000488 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU<br>HẠN VẬN TẢI THIÊN HOÀNG<br>HẢI | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |
| 47 | 17F00515       | CĐ3325000123 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI<br>VÀ DỊCH VỤ THÀNH ANH           | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |
| 48 | 17F00145       | CĐ3325000110 | Hợp Tác Xã Vận Tải Thành Công<br>Thái Bình                | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |
| 49 | 17B01391       | CĐ3425000248 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI<br>& DỊCH VỤ VẬN TẢI PHIẾT<br>HỌC | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |

| TT | Biển kiểm soát | Số phù hiệu  | Đơn vị kinh doanh vận tải                    | Loại Phù hiệu | Ghi chú |
|----|----------------|--------------|----------------------------------------------|---------------|---------|
| 50 | 17B01259       | CĐ3423000816 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI<br>VẬN TẢI HÙNG HUNG | Xe tuyến CĐ   | Mất PH  |
| 51 | 17F00481       | CĐ3325083105 | CÔNG TY TNHH LẠI TÔN<br>THẮNG                | Xe tuyến CĐ   | Nộp PH  |